TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH HÀ** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 23-8-2018
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH HÀ, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Nhung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thế Hanh.

2. Ông Lê Công Nhận.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Ngọc Luyện - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hà tham gia phiên toà*:** Ông Vũ Văn Tiến - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thanh Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 159/2018/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2018 về việc ly hôn, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2018/QĐST-HNGĐ ngày 07/8/2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Mạc Văn H, sinh năm 1955; (có mặt)

2. Bị đơn: Bà Lê Thị Đ, sinh năm 1962; (có mặt)

Đều có HKTT và trú tại: Thôn M, xã L, huyện T, Hải Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày: Ông và bà Lê Thị Đ kết hôn vào khoảng cuối năm 1986, đầu năm 1987 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện T, tỉnh Hải Dương. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc khoảng 24 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng có nhiều bất đồng về quan điểm sống, không thống nhất với nhau trong việc chi tiêu sinh hoạt hằng ngày nên vợ chồng thường xuyên xô xát, có lời lẽ xúc phạm, thiếu tôn trọng nhau. Từ đầu năm 2017 đến nay, vợ chồng ông đã sống ly thân mỗi người một nơi, không ai quan tâm đến ai. Nay ông xác định

không còn tình cảm với bà Đ nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn bà Đ.

Về con chung: Các con chung đều đã thành niên nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công sức, nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại Bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa bị đơn là bà Lê Thị Đ trình bày việc đăng ký kết hôn đúng như ông H đã khai. Sau ngày cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn dẫn đến đánh chửi nhau. Nguyên nhân do vợ chồng không thống nhất trong cách chi tiêu sinh hoạt, ngoài ra ông H có lương hưu nên coi thường bà vì bà không có lương. Bà nghi ngờ ông có người phụ nữ khác nên đã hắt hủi, thiếu tôn trọng bà. Vợ chồng bà sống ly thân khoảng 02 năm nay, không ai quan tâm đến ai. Tuy nhiên bà không đồng ý ly hôn vì bà không muốn con cái phải suy nghĩ, phải mang tiếng có bố mẹ bỏ nhau.

Về con chung: Vợ chồng bà có 02 con chung. Do các con đều đã thành niên nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công sức, nợ chung: Vợ chồng bà tự thỏa thuận, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tài liệu xác minh tại chính quyền địa phương; lời khai của hàng xóm, các con của ông H, bà Đ đều thể hiện: Sau một thời gian dài chung sống hạnh phúc, ông H bà Đ đã nảy sinh mâu thuẫn, và vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2017 đến nay.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Đại diện VKSND huyện Thanh Hà phát biểu ý kiến: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử (viết tắt: HĐXX) và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị HĐXX áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Về quan hệ hôn nhân, xử cho ông H được ly hôn với bà Đ. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết. Về án phí, đề nghị miễn nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm cho ông H vì ông thuộc diện được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Tuy các đương sự không xuất trình được giấy chứng nhận kết hôn, nhưng căn cứ vào lời khai của nguyên đơn, bị đơn; căn cứ tài

liệu xác minh có trong hồ sơ, có đủ cơ sở để xác định: Ông H bà Đ có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện T, tỉnh Hải Dương trên cơ sở tự nguyện nên là hôn nhân hợp pháp.

Xem xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của ông H và đề nghị xin được đoàn tụ của bà Đ, Hội đồng xét xử thấy: Sau một thời gian dài chung sống hạnh phúc, vợ chồng ông H bà Đ đã nảy sinh mâu thuẫn; nguyên nhân chủ yếu xuất phát từ việc vợ chồng không thống nhất được trong việc chi tiêu sinh hoạt hằng ngày, thiếu tin tưởng nhau, từ đó có những xử sự chưa phù hợp. Thực tế vợ chồng ông bà đã sống ly thân gần hai năm nay và vợ chồng không tìm thấy tiếng nói chung; ông H không còn thương yêu, không còn tình cảm với bà Đ làm cho quan hệ hôn nhân của ông bà lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử ông H ly hôn bà Đ là phù hợp với quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

[2]. Về quan hệ con chung: Vợ chồng ông H, bà Đ có 02 con chung, do các con đã thành niên và đều có khả năng lao động nên không đặt ra vấn đề xem xét giải quyết.

[3]. Về tài sản, công sức, nợ chung: Ông H, bà Đ đều không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy HĐXX không xem xét.

[4]. Về án phí: Tại thời điểm thụ lý và xét xử vụ án, ông H đã trên 60 tuổi nên là người cao tuổi theo quy định tại Điều 2 Luật người cao tuổi. Vì vậy ông H được miễn nộp toàn bộ án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử ông Mạc Văn H ly hôn bà Lê Thị Đ.

2. Về án phí: Miễn toàn bộ tiền án phí ly hôn sơ thẩm cho ông Mạc Văn H. Hoàn trả ông Mạc Văn H 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2017/0000141 ngày 02/7/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- VKSND huyện Thanh Hà;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Hà;
- Các đương sự;
- UBND xã L, huyện T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Vũ Thị Nhung